

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2022/HS-ST  
Ngày: 14/12/2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Văn Cường  
2. Bà Phan Thị Mấy

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HS ngày 09/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HS ngày 01/12/2022. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **La Văn T**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Phố Bá Lộc, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông: La Văn C, sinh năm 1964 và bà: Kiều Thị T, sinh năm 1973; Vợ: Chưa có.

Tiền án: 01, tại bản án số: 09/2019/HS-ST ngày 03/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 28 tháng tù, về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 30/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù, nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự không:

Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/6/2022, chuyển tạm giam ngày 29/6/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1973.

Nơi ĐKKHKT: Phố Bá Lộc, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Đồn biên phòng Trung Lý phối hợp với Đồn biên phòng Pù Nhi và Đội đặc nhiệm, phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hóa thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát thì phát hiện 01 người đàn ông đi xe máy đến khu vực bản Táo, xã Trung Lý có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm ma túy, nên ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, người đàn ông khai tên La Văn T, sinh năm 1995, trú ở phố Bá Lộc, xã Thiêt Ống, huyện Bá Thước, phát hiện tiếp tại gác ba ga phía trước xe máy của bị cáo có 01 túi sách màu xanh, dây đeo màu đen, nhãn hiệu Bolisi, bên trong ngăn kéo đầu tiên của túi này có 01 túi nilon màu xanh chứa 110 (Một trăm mười) viên nén, hình trụ tròn, màu đỏ và 02 (Hai) viên nén hình trụ tròn, màu xanh; 02 túi nilon màu đỏ bên trong mỗi túi chứa các cục bột trắng ngà. Bị cáo khai đó là các viên hồng phiến màu hồng, đỏ và các cục bột màu trắng trên đều là ma túy, mua về để sử dụng. Tổ công tác tuyên bố bắt người phạm tội quả tang, thu giữ các tang vật liên quan và đưa bị cáo về Đồn Biên phòng Trung Lý làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận: Khoảng 16 giờ, ngày 23/6/2022, bị cáo đi xe máy BKS 36G5-246.xx, nhãn hiệu HONDA WAVE ANPHA, màu trắng một mình từ nhà của bố, mẹ bị cáo ở bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, lên bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát để mua ma túy, tại đây thì gặp một người phụ nữ dân tộc Mông ngoài đường, không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này. Bị cáo đã hỏi người này là “Có mua được ma túy không” người phụ nữ trả lời là “có” rồi bị cáo đưa cho 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) và dặn 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) mua hồng phiến (Tức ma túy tổng hợp - Methamphetamine) và 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) mua Hêrôine. Người phụ nữ này cầm tiền và đi lên rừng thuộc bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, khoảng một tiếng đồng hồ sau người phụ nữ này quay lại và đưa cho La Văn T 01 túi nilon màu xanh, 02 túi nilon màu đỏ và nói trong túi nilon màu đỏ có hồng phiến, túi nilon màu xanh chứa Hêrôine, bị cáo nhận lấy nhưng không đếm lại mà chỉ mở một túi nilon màu đỏ lấy ra một ít Hêrôine đưa cho người phụ nữ kia coi như trả công. Sau đó bị cáo gói lại, cất vào túi sách du lịch màu xanh, hiệu Bolisi đặt lên gác phía trước xe rồi đi về. Khi đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị Đồn biên phòng Trung Lý bắt quả tang, thu giữ số ma túy; 02 điện thoại di động (01 cái màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SONY, màu hồng nhạt và 01 cái bàn phím bấm, hiệu NOKIA, màu xanh); 01 xe máy BKS 36G5-246.xx, màu trắng, loại xe HONA WAVE ANPHA, Giấy phép lái xe mang tên La Văn T và Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên La Văn T.

Tại bản kết luận giám định số: 2240/KL-KTHS, ngày 25 tháng 6 năm 2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 110 (Một trăm mười) viên nén, hình trụ tròn, màu đỏ, ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 10,925g (Mười phẩy chín hai năm gam) loại: Methamphetamine.

- 02 (Hai) viên nén hình trụ tròn, màu xanh, trên bề mặt ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,188g (Không phẩy một tám tám gam), loại: Methamphetamine.

- Các cục màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng 0,725g (Không phẩy bảy hai năm gam), loại: Hêrôine.

**Tổng cả hai chất ma túy mà Bị cáo đã tàng trữ là: 11, 838g** (Trong đó: Methamphetamine là: 11,113g và Heroine là: 0,725g).

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kiều Thị T trình bày: Chiếc xe máy cơ quan chức năng thu giữ của La Văn T là xe do bà mua trả góp mà có, nhưng khi mua xe do bà không có Bằng lái xe nên phải đăng ký theo tên con bà là La Văn T. Chiếc xe này bà mua năm 2018, đã trả góp 09 lần mới hết tiền mua xe. Bà cho con bà La Văn T mượn xe đi lại, việc T mua ma túy bà không hề hay biết.

Bản cáo trạng số: 75/CT-VKS-ML ngày 08/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo La Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo khẳng định không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác nên Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Tuyên: Bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo tù **06** năm đến **06** năm **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên, người nghiện ma túy, nên không có tính khả thi.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định; Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu xanh có dây đeo màu đen, nhãn hiệu Bolisi; Trả lại cho bị cáo 02 điện thoại và các loại giấy tờ tùy thân, bằng lái xe. Trả lại 01 xe máy BKS 36G5 – 246.xx cho bà Kiều Thị T.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không tìm chế được nên đã cố tình phạm tội, số ma túy thu giữ của bị cáo mua về để sử dụng dần, bị cáo nhằm mục đích nào khác. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Bị cáo nhận tội, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Tại tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị HĐXX cho bà xin lại chiếc xe máy BKS 36G5-246.35, vì đây là tài sản hợp pháp của bà.

Lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo tàng trữ 11,838g với mục đích để sử dụng dần cho bản thân. Với tính chất vụ án, hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết chất ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý Tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân; hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm

phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người nghiện chỉ sử dụng cho bản thân không có mục đích gì khác; vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo đã bị xét xử 01 lần về tội ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2021, chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, rèn luyện, tu dưỡng thành công dân tốt, lại tiếp tục phạm tội, nên bị cáo phải chịu tình tình tăng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy. Đề nghị của đại diện viện kiểm sát Mường Lát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp về khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ....”. Nhưng xét bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, lại là người nghiện ma túy, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Xét về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 túi xách màu xanh, có dây đeo màu đen, nhãn hiệu Bolisi, đây là công cụ, dụng cụ bị cáo cất giấu ma túy, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sony, màu hồng nhạt, máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu xanh, máy đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 174920153, mang tên La Văn T, sinh ngày 20/4/1995, do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/8/2011 và 01 Giấy phép lái xe số 380142025162, mang tên La Văn T, do Sở giao thông Vận tải cấp ngày 10/10/2014. Những giấy tờ, tài sản này không phải là công cụ, dụng cụ phạm tội, nên trả lại cho bị cáo La Văn T.

Đối với: 01 xe máy, BKS 36G5-246.xx, màu trắng, số khung: RLHJA3908HY763600, số máy: JA39E-0743744, xe đã qua sử dụng. Đây không phải là phương tiện phạm tội và là tài sản hợp pháp của bà Kiều Thị T, nên trả lại cho bà T là phù hợp.

[8] Xét về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội, không thuộc diện được miễn án phí, nên buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[9] Các nhận định khác: Bị cáo khai, người phụ nữ không quen biết, khoảng 40 tuổi, dân tộc Mông bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ vì bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ của những người này.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **La Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt bị cáo **La Văn T 06** (Sáu) năm **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (23/6/2022).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo La Văn T.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ La Văn T, được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh T, Nguyễn Trần Đ và Trương Văn D cùng các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đóng giáp lai;

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách màu xanh, có dây đeo màu đen, nhãn hiệu Bolisi thu giữ của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo La Văn T các loại tài sản giấy tờ sau: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sony, màu hồng nhạt, máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu xanh, máy đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 174920153, mang tên La Văn T, sinh ngày 20/4/1995, do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/8/2011 và 01 Giấy phép lái xe số 380142025162, mang tên La Văn T, do Sở giao thông Vận tải cấp ngày 10/10/2014.

Trả lại 01 xe máy, BKS 36G5-246.xx, màu trắng, số khung: RLHJA3908HY763600, số máy: JA39E-0743744, xe đã qua sử dụng, cho bà Kiều Thị T, sinh năm 1973. Nơi ĐKHKTT: Phố Bá Lộc, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, theo Quyết định chuyển vật chứng số: 69/QĐ-VKS-ML ngày 08/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận

vật chứng số: 17/2023/TV-CCTHADS ngày 09/11/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

**Án phí:** Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo La Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

**Về kháng cáo, kháng nghị:** Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 7-VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm giữ – Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS – Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận Hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Thiết Ống, huyện Bá Thước;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tiến Dũng**

